

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 – 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5

Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Văn Từ	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 31/7/2020)
	Ông Nguyễn Kinh Kha	Phó chủ tịch (bổ nhiệm ngày 31/7/2020)
	Ông Nguyễn Đình Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 31/7/2020)
	Ông Trần Đạt Thịnh	Thành viên
	Ông Phạm Quốc Tuấn	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Phạm Văn Từ	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đình Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Đức Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đặng Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27/10/2020)
	Ông Nguyễn Hoài Thanh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30/9/2020)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Văn Từ

Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2021

Số: 264 /DFK-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 (gọi tắt là "Công ty") gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 05 tháng 3 năm 2021 từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 23 tháng 03 năm 2020.



Nguyễn Lương Nhân
Tổng Giám đốc

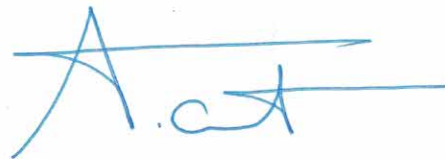
*Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0182-2018-042-1*

Thay mặt và đại diện cho:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM

Ngày 05 tháng 3 năm 2021

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên

*Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0985-2018-042-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.054.848.781.338	1.592.128.824.583
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	343.303.922.506	346.058.357.323
1. Tiền	111		230.004.888.919	343.054.012.954
2. Các khoản tương đương tiền	112		113.299.033.587	3.004.344.369
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	13.018.155.110	16.997.199.804
1. Chứng khoán kinh doanh	121		13.018.155.110	13.018.155.110
2. Giữ đến ngày đáo hạn	123		-	3.979.044.694
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.253.761.593.558	832.667.158.849
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	676.362.578.886	531.300.983.489
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	329.236.666.293	57.215.258.783
3. Các khoản phải thu khác	136	8	248.162.348.379	244.150.916.577
IV. Hàng tồn kho	140	9	436.522.246.089	392.144.248.255
1. Hàng tồn kho	141		436.522.246.089	392.144.248.255
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.242.864.075	4.261.860.352
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		326.429.588	-
2. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153		7.916.434.487	4.261.860.352
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		115.849.170.978	94.595.769.799
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		66.144.423.281	70.440.206.958
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	66.144.423.281	70.373.750.730
Nguyên giá	222		108.362.144.554	108.362.144.554
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.217.721.273)	(37.988.393.824)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	-	66.456.228
Nguyên giá	228		863.931.250	863.931.250
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(863.931.250)	(797.475.022)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		43.000.000.000	23.000.000.000
1. Đầu tư nắm đến ngày đáo hạn	255	6	43.000.000.000	23.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.704.747.697	1.155.562.841
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		6.704.747.697	1.155.562.841
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.170.697.952.316	1.686.724.594.382

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.820.923.049.305	1.338.527.439.435
I. Nợ ngắn hạn	310		1.778.903.752.597	1.265.757.450.532
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	379.111.280.479	403.217.536.272
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	851.195.643.869	291.678.735.591
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		31.987.200	3.216.840.791
4. Phải trả công nhân viên	314		694.424.600	137.235.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		330.000.000	4.498.927.375
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	28.158.604.441	34.024.351.078
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	513.718.456.035	523.076.845.027
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		5.663.355.973	5.906.979.398
II. Nợ dài hạn	330		42.019.296.708	72.769.988.903
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	13	136.500.000	30.346.617.500
2. Phải trả dài hạn khác	337	16	26.518.956.393	27.053.462.906
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	17	15.363.840.315	15.369.908.497
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		349.774.903.011	348.197.154.947
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	349.774.903.011	348.197.154.947
1. Vốn điều lệ	411		149.845.500.000	149.845.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	411a		149.845.500.000	149.845.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.950.000.000	20.950.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(10.510.000)	(10.510.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		73.657.688.034	73.657.688.034
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		105.332.224.977	103.754.476.913
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		70.072.802.338	69.984.691.326
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		35.259.422.639	33.769.785.587
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.170.697.952.316	1.686.724.594.382



Tô Thị Tuyết Mai
Người lập
Ngày 05 tháng 3 năm 2021



Phan Chí Hiếu
Kế toán trưởng






Phạm Văn Từ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng	01		1.901.896.760.840	2.235.131.989.314
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng	10	19	1.901.896.760.840	2.235.131.989.314
4. Giá vốn hàng bán	11	20	1.802.547.070.055	2.135.023.964.631
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		99.349.690.785	100.108.024.683
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	9.631.486.547	4.635.525.135
7. Chi phí tài chính	22	22	38.467.737.969	39.280.898.843
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		38.417.923.539	39.280.898.843
8. Chi phí bán hàng	24		1.084.976.296	1.032.978.715
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.047.463.844	19.732.121.118
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		45.380.999.223	44.697.551.142
11. Thu nhập khác	31		21.236.242	19.938.152
12. Chi phí khác	32		260.620.523	843.834.408
13. Lợi nhuận khác	40		(239.384.281)	(823.896.256)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		45.141.614.942	43.873.654.886
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	9.882.192.303	10.103.869.299
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		35.259.422.639	33.769.785.587
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	2.353	2.006


Tô Thị Tuyết Mai
Người lập
Ngày 05 tháng 3 năm 2021


Phan Chí Hiếu
Kế toán trưởng


Phạm Văn Từ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lãi trước thuế	01	45.141.614.942	43.873.654.886
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.295.783.677	4.383.720.316
Các khoản dự phòng	03	(6.068.182)	(7.642.151.898)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.907.674.834)	(3.733.764.546)
Chi phí lãi vay	06	38.417.923.539	39.060.750.529
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	80.941.579.142	75.942.209.287
Tăng các khoản phải thu	09	(390.931.296.960)	(264.293.629.036)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(44.377.997.834)	549.728.427.233
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	459.545.797.041	(355.606.030.570)
Tăng chi phí trả trước	12	(5.875.614.444)	(327.404.404)
Giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	18.984.253.316
Tiền lãi vay đã trả	14	(38.417.923.539)	(39.639.347.794)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.242.062.759)	(12.092.827.984)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	3.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.961.300.000)	(4.714.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	45.684.180.647	(32.018.699.952)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	9.090.909
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.000.000.000)	(20.206.747.230)
Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.979.044.694	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	3.062.096.354
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức nhận được	27	6.907.674.834	3.062.577.283
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.113.280.472)	(14.072.982.684)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.700.506.222.426	1.069.120.145.458
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.709.864.611.418)	(960.911.628.536)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(29.966.946.000)	(29.966.948.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(39.325.334.992)	78.241.568.622
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.754.434.817)	32.149.885.986
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	346.058.357.323	313.908.471.337
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	343.303.922.506	346.058.357.323



Tô Thị Tuyết Mai
Người lập
Ngày 05 tháng 3 năm 2021



Phan Chí Hiếu
Kế toán trưởng





Phạm Văn Từ
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 4103002004, đăng ký lần đầu ngày 24/12/2003 và đăng ký sửa đổi lần thứ mười sáu (16) ngày 30/11/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SC5.

Trụ sở chính đặt tại số 137 Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh.

Chi tiết các đơn vị trực thuộc tại ngày 31/12/2020 như sau:

STT	Tên công ty con	Hoạt động chính
1	Xí nghiệp Xây dựng Số 1	Xây dựng công trình
2	Xí nghiệp Xây dựng Số 2	Xây dựng công trình
3	Xí nghiệp Xây dựng Số 3	Xây dựng công trình
4	Xí nghiệp Xây dựng Số 4	Xây dựng công trình
5	Xí nghiệp Xây dựng Số 5	Xây dựng công trình
6	Xí nghiệp Xây dựng Số 6	Xây dựng công trình
7	Xí nghiệp Xây dựng số 7 (QĐ số 668/QĐ/SC5, ngày 02/10/2020)	Xây dựng công trình
8	Xí nghiệp Xây dựng Số 9	Xây dựng công trình
9	Xí nghiệp Xây dựng số 10 (QĐ số 667/QĐ/SC5, ngày 02/10/2020)	Xây dựng công trình
10	Xí nghiệp Xây dựng số 15 (QĐ số 724/QĐ/SC5, ngày 28/10/2020)	Xây dựng công trình
11	Xí nghiệp Xây dựng và Quản lý Dịch vụ	Xây dựng công trình
12	Xí nghiệp Cơ giới và Thiết bị	Xây dựng công trình
13	Xí nghiệp Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	Xây dựng công trình
14	Xí nghiệp Đầu tư Xây dựng	Xây dựng công trình
15	Xí nghiệp Kinh doanh Vật tư – Thương mại và Dịch vụ	Kinh doanh vật tư xây dựng

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, trang trí nội thất, mộc xây dựng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chínhCác khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư khác

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán*Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

- Phần mềm, website và tài sản vô hình khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 30
Máy móc, thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 13 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*****Tài sản thuế thu nhập hoãn lại***

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ với Thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi lập Bảng cân đối kế toán tại thời điểm lập báo cáo.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các năm tài chính sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác: gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều năm.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số năm đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào năm sau nhưng trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào năm sau và sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh khoản giảm trừ.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	21.587.209.377	33.177.218.777
Tiền gửi ngân hàng	208.417.679.542	309.876.794.177
Các khoản tương đương tiền	113.299.033.587	3.004.344.369
	<u>343.303.922.506</u>	<u>346.058.357.323</u>

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ban quản lý đầu tư - xây dựng công trình Sở Lao động - Thương binh và Xã hội TP . HCM	15.054.702.905	7.991.575.759
Ban quản lý dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An và Tân Uyên	31.869.322.998	5.264.115.506
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Nam	14.633.217.192	-
Ban quản lý dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên TP . Đà Nẵng	13.255.070.945	15.478.489.572
Công ty CP Nước Môi trường Bình Dương	52.968.182.669	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại - Sản xuất - Xây dựng Đông Mê Kông	59.623.565.200	59.623.565.200
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công trình Thủy lợi Đồng Nai	10.517.656.089	2.215.230.689
Công ty TNHH TM DV Xây dựng Mã Thượng	22.954.118.616	-
Công ty CP Huỳnh Gia Huy	28.306.849.114	-
Công ty CP Cấp thoát nước Lạng Sơn	18.122.120.332	-
Công ty CP HD Huy Hoàng	27.771.099.578	-
Công ty TNHH Đầu tư - Tư vấn - Xây dựng Thép Mới	105.838.640.467	191.683.510.980
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Minh Quốc	29.643.880.647	-
Công ty TNHH TM Xây dựng Quang Đức	66.593.020.881	-
Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn	10.610.407.823	8.974.417.374
Phải thu của các khách hàng khác	168.600.723.430	240.070.078.409
	<u>676.362.578.886</u>	<u>531.300.983.489</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***MẪU B 09-DN****6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu OTC, bao gồm				
Công ty CP Vàng bạc đá quý Phương Nam (NJC)	1.081.650.000	-	1.081.650.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB)	729.500.000	-	729.500.000	-
Công ty CP Xây dựng Số 14 (CC14)	5.137.544.110	-	5.137.544.110	-
Công ty CP Thủy điện Dakr'tih	6.069.461.000	-	6.069.461.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, bao gồm				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 3	-	-	3.979.044.694	-
	13.018.155.110	-	16.997.199.804	3.979.044.694

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cổ phiếu OTC để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cổ phiếu OTC.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***MẤU B 09-DN****CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự Phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 3	43.000.000.000	43.000.000.000	-	23.000.000.000
	43.000.000.000	43.000.000.000	-	23.000.000.000

Trái phiếu Công ty đang nắm giữ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 3 bao gồm:

+ 300 trái phiếu có kỳ hạn 10 năm, đáo hạn vào năm 2027, mệnh giá một trái phiếu là 10.000.000 VND. Lãi suất bằng lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh định kỳ) và được xác định bằng Lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm. Tiền lãi trái phiếu được trả sau, định kỳ một năm một lần vào ngày thanh toán lãi là mỗi ngày tròn năm kể từ ngày phát hành và ngày trả lãi đầu tiên là ngày tròn năm kể từ ngày phát hành trong năm 2018, riêng tiền lãi cho kỳ thanh toán lãi thứ 10 của trái phiếu sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc trái phiếu vào ngày đáo hạn. Trừ khi được mua lại trước hạn theo các quy định của điều khoản và điều kiện của trái phiếu, các trái phiếu sẽ được hoàn trả bằng mệnh giá của trái phiếu vào ngày đáo hạn.

+ 2000 trái phiếu có kỳ hạn 07 năm, đáo hạn vào năm 2026, mệnh giá một trái phiếu là 10.000.000 đồng. Lãi suất bằng lãi suất tham chiếu + 1%/năm. Tiền lãi trái phiếu 2026 được trả sau, định kỳ một năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu 2026 phù hợp với bản cáo bạch chào bán trái phiếu; là mỗi ngày tròn năm kể từ ngày phát hành trái phiếu 2026 và ngày trả lãi đầu tiên là ngày tròn năm kể từ ngày phát hành trái phiếu 2026 trong năm 2020, riêng tiền lãi của kỳ thanh toán lãi thứ bảy của trái phiếu 2026 sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc trái phiếu 2026 vào ngày đáo hạn trái phiếu 2026. Trừ khi được mua lại trước hạn theo các quy định của các điều khoản và điều kiện của trái phiếu 2026, các trái phiếu 2026 sẽ được hoàn trả bằng mệnh giá của trái phiếu 2026 đó vào ngày đáo hạn trái phiếu 2026.

+ 200.000 trái phiếu có kỳ hạn 08 năm; đáo hạn vào năm 2028; mệnh giá một trái phiếu là 100.000 đồng. Lãi suất áp dụng cho toàn bộ thời gian 08 (tám) năm là lãi suất thả nổi và bằng lãi suất tham chiếu + 0,9%/năm. Tiền lãi trái phiếu 2028 được trả định kỳ một năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu 2028; Nếu trái phiếu 2028 được tổ chức phát hành mua lại vào ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2028 thì ngày thanh toán lãi năm thứ 3 sẽ là ngày thanh toán lãi cuối cùng của trái phiếu 2028 và tiền lãi năm thứ 3 sẽ được thanh toán cùng tiền gốc trái phiếu 2028 vào ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2028 và/hoặc ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2028 và/hoặc ngày đáo hạn trái phiếu 2028 khác không phải là ngày làm việc thì ngày thanh toán sẽ là ngày làm việc tiếp theo sau ngày đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Phát triển Bạch Đằng Đà Nẵng	20.055.276.732	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng DACINCO	106.259.547.216	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Thanh Trọng Hiếu	89.617.942.126	17.461.599.900
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Bảo Lâm Phương	19.302.457.321	-
Công ty CP VIWASEEN3	36.819.103.223	-
Công ty CP HD Huy Hoàng	11.017.425.700	-
Khác	46.164.913.975	39.753.658.883
	<u>329.236.666.293</u>	<u>57.215.258.783</u>

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng (*)	200.151.984.017	191.500.461.385
Đặt cọc ký cược ký quỹ ngắn hạn	448.497.244	456.237.210
Công ty TNHH Đầu tư Sato (**)	34.031.011.935	34.031.011.935
Phải thu khác	13.530.855.183	18.163.206.047
	<u>248.162.348.379</u>	<u>244.150.916.577</u>

(*) Các khoản tạm ứng cho các đội trường thi công công trình chưa được quyết toán chi phí.

(**) Đây là số tiền Công ty TNHH Đầu tư Sato còn nghĩa vụ phải góp để hoàn thành dự án “Chỉnh trang đô thị khu vực đầu cầu Thủ Thiêm, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh”.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên vật liệu	-	48.441.027.511
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	436.522.246.089	343.703.220.744
	<u>436.522.246.089</u>	<u>392.144.248.255</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	<u>436.522.246.089</u>	<u>392.144.248.255</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020	102.143.251.284	4.846.257.990	1.105.349.133	267.286.147	108.362.144.554
Tại ngày 31/12/2020	102.143.251.284	4.846.257.990	1.105.349.133	267.286.147	108.362.144.554
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2020	(32.679.073.346)	(4.034.291.260)	(1.105.349.133)	(169.680.085)	(37.988.393.824)
Khấu hao trong năm	(3.572.421.328)	(592.300.061)	-	(64.606.060)	(4.229.327.449)
Tại ngày 31/12/2020	(36.251.494.674)	(4.626.591.321)	(1.105.349.133)	(234.286.145)	(42.217.721.273)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2020	69.464.177.938	811.966.730	-	97.606.062	70.373.750.730
Tại ngày 31/12/2020	65.891.756.610	219.666.669	-	33.000.002	66.144.423.281

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 3.095.985.497 VND (tại ngày 31/12/2019 là 3.095.985.497 VND).

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Quyền sử dụng đất VND
Tại ngày 01/01/2020	863.931.250
Tại ngày 31/12/2020	863.931.250
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2020	(797.475.022)
Khấu hao trong năm	(66.456.228)
Tại ngày 31/12/2020	(863.931.250)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2020	66.456.228
Tại ngày 31/12/2020	-

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty CP Cúc Phương	8.628.246.897	20.363.680.859
Công ty CP Thép Quang Tiến	19.628.981.767	34.685.553.859
Công ty CP Bê tông Hồng Hà	31.297.118.518	17.698.707.510
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng An Thanh Hải	20.626.081.590	22.642.383.204
Công ty TNHH MTV Thương mại Thanh Dung	33.436.589.399	16.208.453.960
Công ty CP Phát triển Xây dựng và Thương mại Thuận An	7.695.371.562	14.432.416.787
Công ty CP Xây dựng FAS	11.357.819.853	-
Công ty CP Xây dựng & Thương mại Đức Hùng	14.451.629.301	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Xây dựng Thành Dương	16.842.431.900	22.992.953.011
Các nhà cung cấp khác	215.147.009.692	254.193.387.082
	379.111.280.479	403.217.536.272

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngắn hạn	851.195.643.869	291.678.735.591
Khách hàng ứng trước các công trình xây lắp	842.926.267.056	288.940.906.171
Khách hàng ứng trước các dịch vụ khác	8.269.376.813	2.737.829.420
Dài hạn	136.500.000	30.346.617.500
Chung cư Mỹ Đức - Phường 22, Quận Bình Thạnh	-	30.210.117.500
Khu quy hoạch - Phường Phước Long B - Quận 9	136.500.000	136.500.000
	<u>851.332.143.869</u>	<u>322.025.353.091</u>

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	638.041.134	636.336.634
Bảo hiểm xã hội	90.730.022	76.752.272
Cổ tức phải trả cổ đông	-	135.400
Phải trả các đội nhận khoán thi công các công trình xây lắp	3.765.777.067	19.031.542.399
Kinh phí bảo trì tạm thu của các căn hộ trong các dự án chung cư Ông Nguyễn Văn Cường	10.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.137.187.883	8.328.220.402
	<u>28.158.604.441</u>	<u>34.024.351.078</u>

15. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 3	450.574.236.141	444.210.899.429
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn	42.342.969.240	58.589.842.358
Ngân hàng TMCP Quốc Tế - Chi nhánh Sài Gòn	20.801.250.654	20.276.103.240
	<u>513.718.456.035</u>	<u>523.076.845.027</u>

Tại ngày 13/08/2020 Công ty đã ký hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020-HĐCVHM/NHCT906-SC5 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 3, với hạn mức 700.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho quy định theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm thế chấp tài sản gắn liền với đất và quyền tài sản được quy định cụ thể trong các hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số TS01, TS02, TS03, TS04, TS05, TS06/2019-HĐBĐ/NHCT906-SC5 ký ngày 20/08/2019.

Tại ngày 26/11/2020 Công ty đã ký hợp đồng tín dụng số 441.0149/2020/HĐHM-PN/PGB.SG với Ngân hàng TMCP xăng Dầu Petrolimex – Chi nhánh Sài Gòn, với hạn mức 100.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và mở L/C; lãi suất cho quy định của Ngân hàng. Hợp đồng tín dụng này không có tài sản đảm bảo.

Tại ngày 14/12/2020 Công ty đã ký hợp đồng tín dụng số 9378583.20 với Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn, với hạn mức 70.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh; lãi suất cho quy định của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản phải thu và quyền đòi nợ hình thành từ các hợp đồng thi công.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả vốn hợp tác đầu tư	24.455.000.000	24.455.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.063.956.393	2.483.462.906
Phải trả dài hạn khác		115.000.000
	<u>26.518.956.393</u>	<u>27.053.462.906</u>

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	15.363.840.315	15.369.908.497
	<u>15.363.840.315</u>	<u>15.369.908.497</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***MẪU B 09-DN****18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ Đầu tư & Phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Tại ngày 01/01/2019	149.845.500.000		20.950.000.000		(10.510.000)		73.657.688.034		104.713.777.891		349.156.455.925	
Lợi nhuận	-		-		-		-		33.769.785.587		33.769.785.587	
Trích quỹ KT, PL	-		-		-		-		(4.762.088.565)		(4.762.088.565)	
Cổ tức	-		-		-		-		(29.966.998.000)		(29.966.998.000)	
Tại ngày 31/12/2019	149.845.500.000		20.950.000.000		(10.510.000)		73.657.688.034		103.754.476.913		348.197.154.947	
Lợi nhuận	-		-		-		-		35.259.422.639		35.259.422.639	
Trích quỹ KT, PL	-		-		-		-		(3.714.676.575)		(3.714.676.575)	
Cổ tức	-		-		-		-		(29.966.998.000)		(29.966.998.000)	
Tại ngày 31/12/2020	149.845.500.000		20.950.000.000		(10.510.000)		73.657.688.034		105.332.224.977		349.774.903.011	

Cổ phiếu

	31/12/2020		01/01/2020	
	Cổ phiếu		Cổ phiếu	
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	14.984.550		14.984.550	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.984.550		14.984.550	
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.984.550</i>		<i>14.984.550</i>	
<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>1.051</i>		<i>1.051</i>	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.983.499		14.983.499	
- <i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>14.983.499</i>		<i>14.983.499</i>	

Mệnh giá: 10.000 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

19. DOANH THU THUẦN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.620.397.014.479	1.820.653.224.900
Doanh thu hợp đồng xây dựng	40.782.441.390	38.976.105.007
Doanh thu kinh doanh nhà	240.717.304.971	375.502.659.407
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>1.901.896.760.840</u>	<u>2.235.131.989.314</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.550.335.833.316	1.726.479.955.576
Giá vốn kinh doanh nhà	19.694.368.349	38.921.559.555
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	232.516.868.390	369.622.449.500
	<u>1.802.547.070.055</u>	<u>2.135.023.964.631</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	6.603.135.834	2.098.918.111
Lãi do chuyển nhượng các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	662.096.354
Cổ tức được chia	304.539.000	963.659.172
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.723.811.713	910.851.498
	<u>9.631.486.547</u>	<u>4.635.525.135</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	38.417.923.539	39.060.750.529
Khác	49.814.430	220.148.314
	<u>38.467.737.969</u>	<u>39.280.898.843</u>

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	45.141.614.942	43.873.654.886
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	3.489.681.595	3.918.234.542
Chi phí không được trừ	3.489.681.595	3.918.234.542
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	(304.539.000)	(963.659.172)
Thu nhập từ nhận cổ tức	(304.539.000)	(963.659.172)
Thu nhập chịu thuế	<u>48.326.757.537</u>	<u>46.828.230.256</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.665.351.507	9.365.646.051
Thuế TNDN truy thu từ các năm trước	216.840.796	738.223.248
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>9.882.192.303</u>	<u>10.103.869.299</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.259.422.639	33.769.785.587
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(3.714.676.575)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	35.259.422.639	30.055.109.012
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	14.983.499	14.983.499
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.353</u>	<u>2.006</u>

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	931.994.051.272	754.326.277.441
Chi phí nhân công	80.336.692.843	69.351.219.020
Chi phí sử dụng máy thi công	197.734.728.797	188.549.552.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	556.316.099.818	394.797.993.288
Chi phí khác	102.170.678.430	121.257.799.477
	<u>1.868.552.251.160</u>	<u>1.528.282.841.354</u>

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lương và các khoản thu nhập khác	4.038.000.000	3.607.500.000

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Xây lắp; Đầu tư và kinh doanh Bất động sản; Cung cấp vật tư và dịch vụ khác.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 như sau:

	Xây lắp	Đầu tư, kinh doanh Bất động sản	Cung cấp vật tư và dịch vụ khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	252.666.671	-	65.891.756.610	66.144.423.281
Các khoản phải thu	1.245.019.685.476	4.860.640.290	3.881.267.792	1.253.761.593.558
Hàng tồn kho	404.855.161.807	31.667.084.282	-	436.522.246.089
Tài sản chung	-	-	-	520.254.186.297
Tổng tài sản	<u>1.650.127.513.954</u>	<u>36.527.724.572</u>	<u>69.773.024.402</u>	<u>2.276.682.449.225</u>
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	1.305.196.571.345	1.941.864.000	66.157.925	1.307.204.593.270
Phải trả tiền vay	513.718.456.035	-	-	513.718.456.035
Tổng nợ phải trả	<u>1.818.915.027.380</u>	<u>1.941.864.000</u>	<u>66.157.925</u>	<u>1.820.923.049.305</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09 -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020:

	Xây lắp	Đầu tư, kinh	Cung cấp vật tư và	Tổng
	VND	doanh Bất động sản	dịch vụ khác	VND
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.620.397.014.479	40.782.441.390	240.717.304.971	1.901.896.760.840
Kết quả kinh doanh bộ phận	70.061.181.163	21.088.073.041	8.200.436.581	99.349.690.785
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	99.349.690.785
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư (doanh thu tài chính)	-	-	-	9.631.486.547
Chi phí tài chính (không phân bổ)	-	-	-	(38.467.737.969)
Thu nhập khác	-	-	-	(25.371.824.421)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	45.141.614.942
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(9.882.192.303)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	35.259.422.639

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 như sau:

	Xây lắp	Đầu tư, kinh	Cung cấp vật tư và	Tổng
	VND	doanh Bất động sản	dịch vụ khác	VND
	VND	VND	VND	VND
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	976.029.020	-	69.464.177.938	70.440.206.958
Các khoản phải thu	821.316.336.369	6.912.688.762	4.438.133.718	832.667.158.849
Hàng tồn kho	363.147.377.307	28.996.870.948	-	392.144.248.255
Tài sản chung	-	-	-	391.472.980.320
Tổng tài sản	1.185.439.742.696	35.909.559.710	73.902.311.656	1.686.724.594.382
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	784.896.426.540	30.346.617.500	207.550.368	815.450.594.408
Phải trả tiền vay	523.076.845.027	-	-	523.076.845.027
Tổng nợ phải trả	1.307.973.271.567	30.346.617.500	207.550.368	1.338.527.439.435

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019:

	Xây lắp VND	Đầu tư, kinh doanh Bất động sản VND	Cung cấp vật tư và dịch vụ khác VND	Tổng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.820.653.224.900	38.976.105.007	375.502.659.407	2.235.131.989.314
Kết quả kinh doanh bộ phận	94.173.269.324	54.545.452	5.880.209.907	100.108.024.683
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	100.108.024.683
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư (doanh thu tài chính)	-	-	-	4.635.525.135
Chi phí tài chính (không phân bổ)	-	-	-	(39.280.898.843)
Thu nhập khác	-	-	-	(21.588.996.089)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	43.873.654.886
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(10.103.869.299)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	33.769.785.587

28. THÔNG TIN SO SÁNH


Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán.



Tô Thị Tuyết Mai
Người lập
Ngày 05 tháng 3 năm 2021



Phan Chí Hiếu
Kế toán trưởng



Phạm Văn Từ
Tổng Giám đốc